

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04/01/2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Phụng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Lê Ngọc Trâm**.

2. Bà **Dương Thị Tư**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Hoàng Nhân** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 695/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NTT**, sinh năm 1983 – có mặt.

Địa chỉ: số 2/28C, tổ 18, ấp TĐ, xã TĐô, huyện HT, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh **NVT**, sinh năm 1979 – vắng mặt.

Địa chỉ: số 160, ấp TÂ, xã TĐô, huyện HT, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 11/9/2018, biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2018 và biên bản hòa giải ngày 28/11/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị NTT trình bày:**

Chị NTT và anh NVT bắt đầu chung sống từ năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị sống chung hạnh phúc thời gian 02 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tu bắt đầu biết uống rượu. Mỗi lần uống rượu thì đánh đập và chửi bới chị T. Có lần chị T báo chính quyền địa phương, chính quyền địa phương nói nếu anh Tu còn quậy 01 lần nữa thì sẽ bắt đi cải tạo. Từ đó, anh Tu không có đánh chị T nữa, chỉ có chửi và đuổi chị T ra khỏi nhà nhưng chị T cố gắng chịu đựng sống vì con. Năm 2016, anh Tu tiếp tục chửi, đuổi chị T và quăng đồ đạc của chị T ra sân. Chị T dẫn 03 con về nhà mẹ ruột sống. Chị T đi được 02 ngày thì anh Tu năn nỉ rước về. Được 03 ngày thì anh Tu lại tiếp tục chửi và đuổi chị T ra khỏi nhà. Chị T và 03 con tiếp tục về nhà mẹ ruột chị sống, từ đó vợ chồng không có gặp nhau và anh Tu cũng không đến thăm con lần nào. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T muốn ly hôn cho rõ ràng.

Về con chung: Có 03 con chung gồm cháu NTTTT, sinh ngày 21/7/1999 và cháu NTTL, sinh ngày 10/7/2002 và cháu NTKK, sinh ngày 18/6/2003, hiện 03 con chung đang sống chung với chị T. Nếu ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu L, cháu K và không yêu cầu anh Tu cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Ti đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh NVT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, dự phiên họp, hoà giải và dự phiên toà.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

*Về nội dung vụ án:* Do chị T và anh Tu sống chung không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Về con chung anh chị có 03 con chung gồm cháu NTTTT, sinh ngày 21/7/1999 và cháu NTTL, sinh ngày 10/7/2002 và cháu NTKK, sinh ngày 18/6/2003. Cháu Ti đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu L và cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh

Tu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
Nợ chung: không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **\* Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh NVT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Tu là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **\* Về nội dung vụ án:**

#### **[1]. Về hôn nhân:**

Chị NTT và anh NVT tự nguyện chung sống từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tu thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu thì đuổi chị T ra khỏi nhà. Thời gian đầu do con còn nhỏ nên chị T cố gắng chịu đựng sống vì con. Đến năm 2016, anh Tu tiếp tục chửi đuổi chị T và quăng đồ đạc của chị T ra khỏi nhà nên chị T dẫn 03 con chung về nhà mẹ ruột sống. Vợ chồng không sống chung từ đó đến nay. Nay tình cảm không còn, chị T muốn ly hôn cho rõ ràng thấy rằng: Chị T và anh Tu sống chung không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9; Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị không hợp pháp nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị T, anh Tu là vợ chồng.

**[2]. Về con chung:** Anh chị có 03 con chung gồm cháu NTTTT, sinh ngày 21/7/1999 và cháu NTTL, sinh ngày 10/7/2002 và cháu NTKK, sinh ngày 18/6/2003.

Cháu Ti đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Cháu L và cháu K hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và cháu K thấy rằng: Từ năm 2016, khi chị T và anh Tu không sống chung thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và cháu K và cháu L, cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu L và cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Tu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu Ti án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên bố không công nhận chị NTT và anh NVT là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung gồm cháu NTTT, sinh ngày 21/7/1999 và cháu NTTL, sinh ngày 10/7/2002 và cháu NTKK, sinh ngày 18/6/2003.

Cháu Ti đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Chị NTT được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu NTTL, sinh ngày 10/7/2002 và cháu NTKK, sinh ngày 18/6/2003.

Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Tu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Tu không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

5. Về án phí:

Chị NTT phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số Ti tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai T số 0012493 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN. Ghi nhận chị T đã nộp xong Ti án phí.

Chị NTT được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh NVT vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Phụng**